

TIẾP CẬN VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI GỐC VIỆT KHÔNG CÓ QUỐC TỊCH DI CƯ TỰ DO TỪ CAMPUCHIA VỀ VIỆT NAM^(*)

NGUYỄN NỮ NGUYỆT ANH^{*}
CAO THANH TÂM^{**}

Hầu hết những người Việt sinh sống và làm nghề đánh bắt cá ở khu vực quanh Biển Hồ (Campuchia) với cuộc sống khó khăn và không có quốc tịch. Những năm gần đây, nhiều người trong số đó đã di cư tự do về Việt Nam sinh sống. Tuy nhiên, khi về Việt Nam, do không có quốc tịch nên cuộc sống của họ bấp bênh. Nghiên cứu này tìm hiểu khả năng tiếp cận việc làm của người gốc Việt không có quốc tịch di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam. Ngoài các dữ liệu thứ cấp, bài viết sử dụng dữ liệu sơ cấp thu thập từ các cuộc phỏng vấn sâu bán cấu trúc và quan sát tham dự ở thực địa tại hai địa bàn xã Tân Thành và xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh - nơi được xem là có nhiều người Việt trở về từ Campuchia. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng bấp bênh về pháp lý gần như quyết định khả năng tiếp cận việc làm của nhóm người này.

Từ khóa: việc làm, người gốc Việt, di cư tự do, tình trạng không quốc tịch

Nhận bài ngày: 28/1/2020; *đưa vào biên tập:* 5/2/2020; *phản biện:* 25/2/2020; *duyet đăng:* 10/4/2020

1. MỞ ĐẦU

Trong lịch sử di cư của người Việt, nhiều làn sóng di cư diễn ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Hiện nay, hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên

thế giới có người Việt đang sinh sống, định cư (Phan Thị Hồng Xuân, 2018). Theo số liệu của Tổ chức Di cư Quốc tế (International Organization for Migration - IOM), trích lại từ nguồn dữ liệu của Vụ Liên hiệp quốc về Vấn đề kinh tế và xã hội (United Nations, Department of Economic and Social Affairs - UN DESA), từ năm 1990 đến

^{*}, ^{**} Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

năm 2015 có 2.558.678 người Việt di cư ra nước ngoài theo tất cả các loại hình di cư, nhưng chủ yếu là di cư để lao động, kết hôn và du học. Các nước có đông người Việt là Mỹ, Úc, Canada và các nước láng giềng như Lào, Campuchia, Trung Quốc.

Sự di cư quay về phần lớn xảy ra khi người lao động hết hợp đồng lao động, du học sinh tốt nghiệp và trường hợp kết hôn với người nước ngoài nhưng ly thân hay ly hôn. Làn sóng trở về của người Việt do không thể tiếp tục cuộc sống ở nước ngoài như ở Campuchia xuất hiện trong những năm gần đây với số lượng ngày càng tăng phần lớn không thuộc những nguyên nhân này.

Cộng đồng người Việt ở Campuchia có những điểm khác biệt với cộng đồng người Việt ở các quốc gia khác về nguyên nhân di cư, địa vị xã hội, lĩnh vực nghề nghiệp... Khu vực quanh Biển Hồ (Tonle Sap) - hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á - là nơi người Việt tập trung đông nhất và hầu hết là không có quốc tịch. Những năm gần đây, do chính sách về người Việt của Campuchia và cả những nguyên nhân khác, nhóm người này đang đứng trước nguy cơ bị trục xuất hoặc buộc phải di cư ra khỏi Campuchia.

Người Việt di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam ngày càng tăng và sinh sống ở dọc các tuyến biên giới và khu vực sông hồ ở các tỉnh Bình Phước, An Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang và Tây Ninh. Đa số họ không

có giấy tờ tùy thân, ảnh hưởng rất lớn đến việc ổn định cuộc sống ở Việt Nam (Châu Như Quỳnh, 23/8/2016). Dù chưa có số liệu thống kê chính thức cấp quốc gia, nhưng so sánh các số liệu báo cáo của các tỉnh có đông người Việt từ Campuchia về sinh sống thì Tây Ninh là tỉnh tiếp nhận nhiều người trở về nhất. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi tập trung vào việc phân tích khía cạnh lao động, việc làm của người gốc Việt di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam, đang cư trú tại xã Tân Thành và Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Có nhiều nghiên cứu phân tích các khía cạnh khác nhau về các vấn đề di cư của người Việt. Những bài viết về lịch sử hình thành cộng đồng người Việt ở Campuchia tập trung tìm hiểu về sự di cư, quá trình hình thành và tổ chức đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người Việt ở Campuchia (Derks & Sukhum, 2009; Goshal, 1993; Nguyễn Cảnh Toàn, 2011; Nguyễn Sỹ Tuấn, 2006; Tarr, 1992; Trần Trọng Đăng Đàn, 1997, 2005). Các nghiên cứu những xung đột Việt Nam - Campuchia và ảnh hưởng của những xung đột này đến người Việt sống ở Campuchia phân tích vấn đề Việt Nam - Campuchia dưới góc nhìn lịch sử và quan hệ quốc tế (Abuza, 1995; Amer, 1997, 2010; Chandler, 1975; Kiernan, 2002; Kiernan & Hughes, 2009). Một chủ đề cũng được nhiều nhà nghiên cứu

quan tâm là ảnh hưởng của chính sách về người Việt của Campuchia đến cuộc sống của những người Việt đang cư trú trên đất nước này (Amer, 1994, 2013; Berman; Kirchner, 2015; Nguyễn Sỹ Tuấn, 2012; Owsley, 1995). Ngay những người Việt đã có quốc tịch Campuchia vẫn chịu những tác động tiêu cực bởi những chính sách dành cho nhóm dân tộc thiểu số người Việt so với các chính sách dành cho người gốc Khmer. Các công trình nghiên cứu về người Việt ở Campuchia khá phong phú và đa dạng. Những nghiên cứu trên tập trung giới thiệu cộng đồng người Việt (cả có quốc tịch và chưa có quốc tịch) ở Campuchia và phân tích ảnh hưởng của các yếu tố lịch sử, chính trị cũng như mối quan hệ giữa hai nước đến cuộc sống của nhóm người Việt sinh sống tại quốc gia này. Song, nghiên cứu về người Việt không có quốc tịch, không thể tiếp tục sống ở Campuchia buộc phải di cư tự do về Việt Nam đang còn là khoảng trống.

Về mặt thuật ngữ, bài viết này sử dụng thuật ngữ “người Việt” (ethnic Vietnamese) hay “Việt kiều” là một từ Hán - Việt được hiểu tương đương với khái niệm “người Việt Nam định cư ở nước ngoài” “là người có quốc tịch Việt Nam và người Việt Nam đang cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài” (Điều 3, khoản 3 của Nghị định số 138/2006/NĐ). “Người Việt” trong bài viết là những người có nguồn gốc từ Việt Nam, có hay chưa có quốc tịch Việt Nam; đã di cư và

định cư ở Campuchia, và tuy sinh sống ở Campuchia nhưng chưa được chính quyền Campuchia trao tư cách là công dân của nước này.

Trên phương diện pháp luật, “hồi hương” (repatriation) được hiểu là công dân của một quốc gia cư trú ở nước ngoài quay trở lại đất nước mà công dân đó có quốc tịch (Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật số 7/1998/QH10). Gần đây, nhiều người Việt quyết định quay về Việt Nam do áp lực trực tiếp hoặc gián tiếp từ chính sách của chính quyền Campuchia. Trong bài viết này nhóm người Việt quay về có hương là nhóm người không có quốc tịch Việt Nam. Do vậy, nghiên cứu này sử dụng cụm từ “hồi hương” với ý nghĩa quay về quê hương, gia đình những người di cư tự do này ở Việt Nam.

Bên cạnh việc sử dụng thuật ngữ “hồi hương”, bài viết này cũng dùng cụm từ “di cư tự do” (migration) và “di cư trở về” (return migration) thường được các nghiên cứu về di dân sử dụng. Trở về được xem là bước hoàn thành vòng di cư, trong đó người di cư quay về nước nhưng sống ở một nơi khác hay quay về chính quê hương mình (Anarfi & Jägare, 2008; Eastmond, 2006). Sự trở về có thể không nằm trong dự tính của người di cư mà xảy ra trong bối cảnh họ bị trục xuất vì người cư trú bất hợp pháp tại nước tiếp nhận do thị thực đã hết hạn (Cassarino, 2008). Các nghiên cứu của Nguyen (2017) và Chimni (2004) đã chỉ ra rằng những người di cư

buộc phải quay về nước một cách không tự nguyện thường gặp nhiều khó khăn trong việc tái hòa nhập cộng đồng nơi họ xuất cư, đặc biệt là tìm kiếm việc làm và ổn định cuộc sống. De Bree et al. (2010) cho rằng trở về không chỉ đơn thuần là việc đi về quê nhà và định cư lâu dài mà còn là việc người di cư có được cảm giác “thuộc về” hay không. Mặc dù trở về chính cộng đồng của mình, điều đó không có nghĩa là người di cư có thể tiếp tục cuộc sống trước đây của mình mà họ phải nỗ lực để có thể tồn tại và được cộng đồng chấp nhận. Sau một thời gian rời xa quê di cư ra nước ngoài, cộng đồng có thể có nhiều thay đổi và bản thân những người di cư cũng có nhiều thay đổi sau khi đã có những trải nghiệm xuyên văn hóa (Chae, 2010; Ghanem, 2003; Hammond, 1999). Do vậy, sau khi trở về, việc người di cư hòa nhập nhanh chóng, ổn định cuộc sống của bản thân là một quá trình đầy khó khăn, đặc biệt khi họ là người không có quốc tịch và có những hạn chế về tiếp cận việc làm.

Tình trạng không có quốc tịch (statelessness) được luật pháp quốc tế đề cập có ý nghĩa khác nhau. Công ước năm 1954 của Liên hiệp quốc liên quan đến tình trạng của người không có quốc tịch với mục đích bảo vệ quyền và tự do của những người không có quốc tịch. Theo Điều 1 của Công ước này “người không có quốc tịch là người không được công nhận là công dân của một quốc gia nào cả dưới sự vận hành của luật pháp”

(UNHCR, 1954). Hiện nay, khái niệm do Công ước 1954 vẫn được sử dụng phổ biến nhất trong các nghiên cứu và các diễn đàn bàn về người không có quốc tịch do tính bao hàm của nó.

Ngoài ra, bài viết này còn dựa trên khái niệm tình trạng bấp bênh (precarity hay précarité) để phân tích về khả năng tiếp cận việc làm của những người Việt di cư tự do. Những người không có quốc tịch bị đặt trong tình trạng bấp bênh về mặt pháp lý, dẫn đến những khó khăn khác trong việc tiếp cận các dịch vụ phục vụ cho các nhu cầu cơ bản của cuộc sống, đặc biệt là tìm việc làm. Khái niệm tình trạng bấp bênh phản ánh sự thiếu an toàn liên quan đến các chính sách nhằm kiểm soát di dân và số người nhập cư (Goldring et al., 2009: 245).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nguồn dữ liệu thứ cấp (tài liệu, thống kê, chính sách, luật, báo cáo của địa phương, báo cáo khoa học của các nghiên cứu trước đây) được sử dụng để giới thiệu số lượng người di cư quay về và phân tích chính sách hiện thời liên quan đến những người này. Bên cạnh đó, nghiên cứu dựa trên dữ liệu sơ cấp thu thập từ các cuộc phỏng vấn sâu bán cấu trúc và quan sát tham dự ở thực địa trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2019 tại hai địa bàn xã Tân Thành và xã Tân Hòa, huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh - nơi được xem là có nhiều người Việt từ Campuchia trở về nhất. Thông tin từ phỏng vấn sâu cho biết tình trạng pháp lý, tiếp cận việc làm; quan sát hộ

gia đình và quan sát cộng đồng cho biết hiện trạng cuộc sống. Những người trả lời bao gồm: người Việt di cư tự do trở về từ Campuchia (41 người), lãnh đạo địa phương (5 người) và đại diện tổ chức tôn giáo (1 người). Mẫu nghiên cứu chính là những người di cư về Việt Nam đang cư trú tại bốn ấp: xã Tân Thành có ấp Tà Dơ (12 người) và ấp Đồng Kèn 2 (17); xã Tân Hòa có ấp Cây Khé (8) và ấp Tân Thuận (4). Sự phân bố không đồng đều về số lượng mẫu giữa hai xã Tân Thành và Tân Hòa là do tổng số hộ/người di cư tự do đang cư trú tại xã Tân Thành cao hơn nhiều so với Tân Hòa.

Trong số 41 người tham gia trả lời phỏng vấn có 31 nữ và 10 nam, có độ tuổi khác nhau và hộ gia đình của họ di cư về Việt Nam vào những thời điểm khác nhau; đa số các đáp viên mù chữ, chỉ có 3 người biết chữ nhưng chỉ dừng lại ở cấp tiểu học. Họ chủ yếu đang sống với vợ/chồng và gia đình, chỉ có 2 người góa vợ/chồng, 2 người đang ly thân (thực chất là đã bỏ vợ/chồng nhưng vì họ không có giấy tờ, không đăng ký kết hôn hợp pháp nên khi không muốn sống cùng nhau). Mức thu nhập của người di cư tự do không ổn định, không thể ước chừng thu nhập vì không phải lúc nào họ cũng có việc làm.

3. TIẾP CẬN VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI VIỆT KHÔNG CÓ QUỐC TỊCH

3.1. Tình trạng pháp lý và lưu trú của người Việt trở về từ Campuchia không có quốc tịch đang cư trú tại Tây Ninh

Chính phủ Việt Nam và Campuchia đã thống nhất: người Việt ở Campuchia nếu chưa có quốc tịch Campuchia thì được xem là người Việt Nam nên khi quay về Việt Nam sẽ được chính quyền tiếp nhận. Theo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh (2017, 2018), đến tháng 7/2017, đã có 1.514 hộ với 7.519 nhân khẩu di cư về Tây Ninh. Từ tháng 10/2017 đến tháng 7/2018 thêm 63 hộ với 313 nhân khẩu. Tính đến tháng 7/2018, số người có chứng minh nhân dân do Campuchia cấp rất thấp, chỉ có 325 người trong khi người không có giấy tờ là 7.507 người.

Theo lãnh đạo địa phương, việc cấp giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân cần phải được xác minh nghiêm ngặt nguồn gốc công dân của người được cấp. Luật Quốc tịch Việt Nam chỉ cho phép người nhập quốc tịch giữ một quốc tịch (hoặc Việt Nam hoặc nước khác) trừ những trường hợp đặc biệt. Nếu những người này đã là công dân Campuchia thì không được cấp quốc tịch Việt Nam. Trong số những người trở về, chỉ có một số ít được Đại sứ quán Việt Nam ở Campuchia xác nhận là Việt kiều cư trú tại Campuchia. Do vậy, khi về Việt Nam họ được địa phương cấp giấy tờ tùy thân và được hưởng quyền của công dân Việt Nam.

Lãnh đạo xã Tân Hòa cho biết, năm 2018, Trung ương chỉ đạo công nhận tình trạng pháp lý cho 50 hộ đã di cư về sinh sống tại địa phương từ rất lâu, và đây là trường hợp làm thí điểm, nếu hiệu quả sẽ triển khai đại trà.

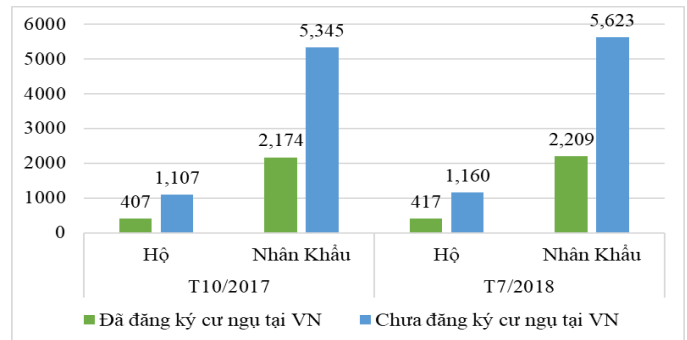
Trong năm 2018, trong tổng số 1.577 hộ với 7.832 nhân khẩu, chỉ có 417 hộ với 2.209 nhân khẩu đã đăng ký cư trú tại tỉnh, trong khi số hộ chưa đăng ký là 1.160 hộ với 5.623 nhân khẩu. Từ khi triển khai thực hiện Tiểu đề án 2 về hỗ trợ người di cư tự do của huyện Tân Châu do Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt, xã Tân Thành đã cấp hộ khẩu cho 48 hộ và xã Tân Hòa là 33 hộ.

Nhìn chung, đa số những người di cư tự do khi hồi hương thường có cuộc sống tạm bợ trên tất cả các khía cạnh: pháp lý, kinh tế, cảm giác được thuộc về do chưa xác định được quốc tịch và không có bất cứ giấy tờ gì để chứng minh nhân thân. Họ không đảm bảo đủ các điều kiện pháp lý theo quy định của pháp luật Việt Nam để được cấp hộ khẩu, căn cước công dân nên điều kiện sống gặp khó khăn, đặc biệt trong việc tiếp cận việc làm (Luật Quốc tịch Việt Nam ban hành năm 1998).

3.2. Khả năng tiếp cận việc làm của người Việt trở về từ Campuchia không có quốc tịch

Vì không có chứng minh nhân dân, người di cư tự do từ Campuchia khó tìm được việc làm chính thức để có thu nhập, ổn định cuộc sống. Kết quả khảo sát cho thấy đối với những người đang có việc làm, công việc của họ thường là theo mùa vụ và không được hưởng tất cả những quyền lợi

Biểu đồ 1. Tình trạng đăng ký cư trú của người Việt di cư tự do về Tây Ninh tính đến tháng 7/2018



Nguồn: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh, 2017, 2018.

như các lao động có đầy đủ giấy tờ. Tổng hợp các nguồn dữ liệu sơ cấp, nhóm nghiên cứu nhận thấy có sự khác biệt giữa việc tiếp cận việc làm của các cư dân trong 4 ấp.

Ở ấp Tà Dơ, xã Tân Thành, người di cư tự do được chia làm hai nhóm: nhóm di cư về khá lâu, từ 5 năm đến trên 7 năm và nhóm di cư về khoảng 2 - 3 năm. Theo quan sát cộng đồng, nhiều người trong nhóm quay về nhiều năm trước đã mua đất và xây nhà. Nhóm những người mới về (khoảng 150 hộ) đang sống trong những lều tạm (dựng bằng cọc nhỏ và che bạt ngay trên phần đất của người dân địa phương hay của những người đã về trước đó dọc đường vào ấp Tà Dơ hay dọc mé hồ Dầu Tiếng. Chính quyền huyện Tân Châu chỉ đạo sử dụng quỹ đất của xã Tân Thành, dành hơn 1ha đất ở ấp Đồng Kèn 2 và 10 tỷ đồng cùng với sự đóng góp của Quỹ Đạo Phật ngày nay (11 tỷ đồng), xây dựng khu tái định với 183 căn nhà liền kề. Hiện nay, có 179 hộ đang sinh sống ở đây.

Sau khi về Việt Nam, nhiều người loay hoay tìm việc làm phù hợp nhưng do ngoài nghề đánh bắt cá trên Biển Hồ họ không có chuyên môn làm những công việc trên bờ nên họ cảm thấy tìm việc khó khăn. Sống dọc theo hồ Dầu Tiếng có nguồn lợi thủy sản, phần đông nam giới làm nghề đánh cá. Tuy nhiên, cá ngày càng ít dần, người dân phải đi đánh bắt ở xa, nhưng vẫn không đủ vốn. Nhiều hộ treo ghe không tiếp tục công việc vốn từ bao đời.

Một số hộ gia đình ở ấp Tà Dơ vẫn theo nghề cá khi về Việt Nam nhưng hầu như những người sống ở ấp Đồng Kèn 2 (khu tái định cư của 179 hộ, quay về Việt Nam trước tháng 6/2016) không còn làm nghề này do xa khu vực sông hồ. Khi không thể duy trì nghề cá, nhiều người đàn ông ở ấp Tà Dơ và Đồng Kèn 2 đi làm công nhân, lắp đặt các hệ thống điện năng lượng mặt trời. Thời gian đầu, họ dễ dàng xin được việc và được trả lương 250.000 - 350.000 đồng/ngày. Vì thấy lương cao so với đánh cá, nhiều thanh niên đã chuyển sang làm công nhân cho các công trình này. Tuy nhiên, công việc không thuận lợi, thu nhập bấp bênh và bị nợ lương do chỉ thực hiện một số công đoạn lắp ráp cho các nhà thầu nhỏ. Có trường hợp bị nợ lương nhiều tháng và họ phải bỏ việc. Khi nhóm nghiên cứu đi khảo sát, một số đàn ông trong độ tuổi lao động đang ở nhà (mới trở về từ các công trình xây lắp điện năng lượng mặt trời và chờ tìm công việc mới), một số đi phụ hồ, lương 300.000

đồng/ngày (nhưng công việc lúc có lúc không, không đủ để đảm bảo cho cuộc sống của gia đình).

Hầu hết phụ nữ ấp Tà Dơ và Đồng Kèn 2 ở nhà lật hạt điều và trông con. Quan sát cho thấy từng tốp nữ (trẻ em, người già và phụ nữ trẻ hay trung niên) đều tranh thủ cạo vỏ lụa hạt điều (lật điều). Thoạt nhìn, công việc này tưởng chừng có thể kiếm tiền dễ dàng vì có thể huy động được nhiều lứa tuổi trong gia đình cùng làm, nhưng thu nhập lại rất thấp, 10kg hạt điều thành phẩm chỉ có 50.000 đồng (trong khi 2-3 người lật liên tục trong khoảng 2 ngày). Vì ít có khả năng tiếp cận với những loại công việc khác nên đây vẫn là việc làm phổ biến của phụ nữ trong khu vực này.

Theo quan sát của nhóm nghiên cứu, khi chưa tìm được việc làm mới, những người di cư tự do ở ấp Tà Dơ có thể thoải mái nghỉ ở nhà hơn so với những người ở ấp Đồng Kèn 2. Lãnh đạo xã Tân Thành cho biết, các mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh thường hay đến ấp Tà Dơ thăm hỏi, cho nhu yếu phẩm, bình quân mỗi năm trên 1,5 tỷ đồng (có lúc vào cuối tuần có 3 - 4 đoàn đến thăm), vì vậy, người dân ở đây vẫn có thức ăn sống qua ngày khi không có việc làm. Trong khi đó, người dân ở ấp Đồng Kèn 2 ít khi nhận được hỗ trợ lương thực từ các tổ chức từ thiện và phải đóng các khoản chi phí điện nước nên áp lực tìm việc cao hơn. Một mục sư nhận xét: "Ở khu vực này mình có thể đi ra rửa chén cho quán ăn, đi làm cỏ rồi đi

nhỏ khoai mì, đi cắt mía. Có rất nhiều công việc để làm mà không cần giấy tờ. Làm xong một ngày người ta trả tiền. Có nhiều việc để làm nhưng họ phải ở nhà trông nhà, giữ con và họ cũng có ý chờ đợi sự giúp đỡ từ các đoàn từ thiện, cho nên cứ 10 ngày mà chưa thấy đoàn nào tới là họ trông chờ dữ lắm. Mình cho họ đi làm để họ kiếm tiền thì họ mới quý trọng đồng tiền, chứ họ cứ trông chờ vào các đoàn thì không nên. Khi mình xuống, họ cứ hay hỏi có cho gì không, dần hình thành thói quen”. Ông cho rằng tâm lý ỷ lại vào những phần quà từ thiện cũng hạn chế sự cố gắng tìm việc của người di cư tự do, đặc biệt là ở ấp Tà Dơ.

Một số hộ gia đình di cư đang sống tại khu tái định cư ở ấp Đồng Kèn 2 về từ 5 năm trở lên đã được chính quyền địa phương tạo điều kiện cấp giấy xác nhận tạm trú để có thể xin việc dễ dàng hơn và có thu nhập ổn định hơn. Mặt khác, nằm trong diện được hỗ trợ của các dự án, các đơn vị từ thiện nhằm tạo công ăn, việc làm cho người nhập cư, một số gia đình được hỗ trợ hàng hóa, dụng cụ để buôn bán nhỏ tại nhà. Chị L.T.L - người di cư tự do ở ấp Đồng Kèn 2 chia sẻ: “Mấy tháng trước có hỗ trợ mấy gia đình ở khu này, khu bên với ở đâu đó, mỗi gia đình được 6 triệu. Họ không đưa tiền cho mình đâu. Mấy ông đi sắm đồ bánh trái, kẹo bánh này nọ, mỗi thứ chút đỉnh bắt đầu đưa cho mình bán”. Tuy nhiên, theo khảo sát, chỉ có vài hộ được giúp đỡ từ chương trình này.

Thời gian sau, quá nhiều người di cư tự do về Việt Nam, quỹ hỗ trợ không cho phép tiếp tục triển khai.

Tương tự như xã Tân Thành, nhiều người di cư tự do về sống tại ấp Cây Khé (gần sông) và ấp Tân Thuận (khu tái định cư) của xã Tân Hòa. Tại ấp Cây Khé, dù mục đích ban đầu của người di cư tự do khi dựng các lều, lán tại đây để thuận tiện cho việc đánh bắt cá, nhưng tại thời điểm khảo sát, chỉ còn vài hộ gia đình sinh sống bằng nghề này. Số còn lại đi chặt le (cây tre non), chặt cây đem bán hay làm thuê ở biên giới. Trưởng ấp Cây Khé cho biết ở khu vực này, cha mẹ gửi con cho ông bà và di cư sang các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương để làm thuê. Các cuộc quan sát cộng đồng và phỏng vấn người dân cho thấy có 4/41 hộ, chỉ có những đứa trẻ tự chăm nhau. Cha mẹ đi làm xa, cuối tuần hay một tháng về thăm con 2-3 lần và gửi tiền họ hàng, hàng xóm mua giúp thực phẩm. Những đứa trẻ, nhất là các bé gái 7 - 8 tuổi đã có thể nấu ăn, giặt đồ, trông em và chăm sóc cho em.

Hầu hết các đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực chính thức, đều hạn chế nhận những lao động không có giấy tờ tùy thân rõ ràng. Một số người sử dụng giấy chứng minh nhân dân của người thân, bạn bè để xin việc ở các công ty tư nhân. Tuy nhiên, họ chỉ được hưởng lương, vì là công ty tư nhân, và theo thỏa ước lao động ngoài lương ra không được hưởng các khoản phụ cấp, không được mua bảo hiểm thất nghiệp, bảo

hiếm y tế. Thậm chí cho dù họ tìm được việc làm thì tìm được một chỗ ở trọ cũng là một điều không dễ dàng gì vì muốn ở trọ thì cũng cần có giấy chứng minh nhân dân.

Điều đáng lưu ý là, những người ở ấp Cây Khế đang bỏ sông để lên bờ tìm việc thì những người ở khu tái định cư ấp Tân Thuận, ngoài một số đi làm thuê, lại đang có xu hướng quay về sông để nuôi cá và nuôi cua đing. Họ cứ sáng đi tối về hay thậm chí xây ao, dựng lán ở gần nơi nuôi cá và cua đing, thỉnh thoảng mới về nhà ở khu tái định cư. Theo họ, đất và nhà được cấp giúp họ có chỗ ở khang trang hơn nhưng họ không có thu nhập. Do vậy, họ phải quay lại sông hồ để nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, họ không đánh bắt cá trên hồ như một số người ở ấp Tà Dơ.

Theo đánh giá của người dân nhập cư, công việc hiện tại khi chuyển về sống tại Tây Ninh dễ dàng và tốt hơn so với công việc trước đây khi còn ở Campuchia. Ở Việt Nam, dù công việc còn bấp bênh do nhiều nguyên nhân, chủ yếu như không có giấy tờ tùy thân, trình độ chuyên môn tay nghề, mối quan hệ để tìm việc, thì cuộc sống của họ vẫn thoải mái hơn rất nhiều. Ngoài người dân ấp Tà Dơ, người dân các ấp khác không trông chờ vào hỗ trợ vật chất từ người khác mà chỉ mong có giấy tờ tùy thân để tự kiếm việc làm.

Như vậy, chính sự bấp bênh trong tình trạng pháp lý – không có quốc tịch, đã làm cho những người di cư tự do từ Campuchia về phải đối mặt với những

khó khăn trong việc tiếp cận việc làm. Một bộ phận người trở về phải dựa vào nghề đánh cá trong khi nguồn cá gần cạn kiệt. Một số khác đi làm thuê nhưng không được chủ trả tiền công. So với nam giới, phụ nữ không có quốc tịch hầu như chỉ lật hạt điều với số tiền công rất thấp. Khả năng tìm việc làm trong các nhà máy, xí nghiệp bị hạn chế do họ không trình được giấy chứng minh nhân dân. Những người “dùng tạm” giấy chứng minh của người khác đều không được hưởng những phần tiền phụ cấp khác tại nơi mình đang làm việc. Họ chưa thực sự được chính những người ở quê hương công nhận sự thuộc về của họ và họ vẫn phải sống bên lề xã hội.

4. KẾT LUẬN VÀ MỘT VÀI Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

Bài viết sử dụng khái niệm tình trạng bấp bênh để phân tích sự mơ hồ của tình trạng pháp lý đã dẫn đến những rào cản trong việc tìm việc làm để ổn định cuộc sống của nhóm người gốc Việt trở về từ Campuchia. Nền tảng cơ sở lý luận và thực tiễn của nghiên cứu trên đây cho thấy, di cư của người Việt trong trường hợp này là một vòng tuần hoàn luôn ẩn chứa nhiều rủi ro và bất trắc. Qua những câu chuyện về lịch sử cuộc đời của người trong cuộc, lao động mưu sinh và kiếm kế sinh nhai của nhóm người này luôn ở trong trạng thái bấp bênh, thờ thách. Những hạn chế về tình trạng pháp lý, xuất phát điểm, đặc điểm cá nhân và nhân thân đã tạo ra một chuỗi liên hoàn những hệ lụy cản trở khả năng tiếp

cận các loại hình công việc chính thức, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, địa vị xã hội của người di cư. Ở góc độ nào đó, họ là những người được xếp vào nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương và nằm bên lề của xã hội cần được quan tâm.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một vài ý kiến đề xuất như sau:

Các bộ, ban ngành liên quan phối hợp với nhau nhằm xúc tiến xác nhận và xác lập tình trạng pháp lý cho người di cư. Bởi lẽ, hơn ai hết, bản thân những người trong cuộc nhận thấy rằng giấy tờ tùy thân là giấy thông hành quan trọng giúp họ tháo gỡ những khó khăn về việc làm, tiếp cận với khu vực lao động chính thức. Nếu vấn đề này được giải quyết, địa phương và cơ quan chính quyền các cấp sẽ giảm bớt được các gánh nặng liên quan đến lao động, việc làm và các vấn đề kinh tế, an sinh xã hội khác.

Bên cạnh đó, địa phương cũng cần hỗ

trợ nâng cao nhận thức và trình độ văn hóa cho nhóm người này bằng cách lồng ghép nhiều hình thức khác nhau liên quan đến bổ túc văn hóa, dạy nghề ứng dụng và thiết thực với cuộc sống hiện thời của họ. Hiện nay, chính quyền địa phương sở tại đã và đang triển khai công tác xóa mù chữ cho trẻ quá độ tuổi đến trường hoặc người lớn có nhu cầu. Tuy nhiên, việc tổ chức tồn tại nhiều bất cập và khó khăn do nhóm người di cư vẫn ưu tiên thời gian cho việc mưu sinh đáp ứng nhu cầu cơ bản trước mắt.

Chính quyền địa phương đưa ra các chương trình cụ thể, tạo điều kiện để các hộ gia đình tại đây ổn định chỗ ở hoặc cho vay vốn với lãi suất ưu đãi trong thời gian dài nhằm gia tăng cơ hội tự tạo công ăn, việc làm. Các cơ quan có thẩm quyền cần can thiệp và xử lý kịp thời những trường hợp như bóc lột sức lao động, không trả lương, hay đối xử không công bằng trong quá trình làm việc. □

CHÚ THÍCH

(¹) Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài T2019-07.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Abuza, Zachary. 1995. "The Khmer Rouge and the Crisis of Vietnamese Settlers in Cambodia". *Contemporary Southeast Asia*, 433-445.
2. Amer, Ramses. 1994. "The Ethnic Vietnamese in Cambodia: a Minority at Risk?". *Contemporary Southeast Asia*, 210-238.
3. Amer, Ramses. 1997. "Border Conflicts between Cambodia and Vietnam". *IBRU Boundary and Security Bulletin*, 5(2), 80-97.
4. Amer, Ramses. 2010. "Cambodia and Vietnam: A Troubled Relationship", In N. Ganesan & R. Amer (Eds.), *International relations in Southeast Asia: Between*

bilateralism and multilateralism (pp. 92-116). Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.

5. Amer, Ramses. 2011. "Domestic Political Change and Ethnic Minorities - A Case Study of the Ethnic Vietnamese in Cambodia". *Asia-Pacific Social Science Review*, 13(2), 87-101.

6. Anarfi, J, & Jägare, Sara. 2008. "Toward the Sustainable Return of West African Transnational Migrants: What are the Options?". *Assets, Livelihoods and Social Policy: New Frontiers of Social Policy*, 107-126.

7. Berman, Jennifer. 1996. "No Place Like Home: Anti-Vietnamese Discrimination and Nationality in Cambodia". *California Law Review*, 84, 817.

8. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh. 2017. *Tình hình Việt kiều tại Campuchia di cư tự do về lưu trú trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*.

9. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh. 2018. *Báo cáo Tình hình Việt kiều, người Việt Nam ở Campuchia di cư tự do về cư trú trên địa bàn tỉnh*.

10. Cassarino, Jean-Pierre. 2008. "Conditions of Modern Return Migrants - Editorial Introduction". *International Journal on Multicultural Societies*, 10(2), 95-105.

11. Chae, Suhong. 2010. "Sự trở về của những người lao động Việt Nam tại Hàn Quốc: Trải nghiệm xuyên quốc gia, nhận thức chính trị của người lao động và sự hợp tác khu vực Đông Á". V. H. Luong (biên tập), *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học* (pp. 439-460). TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.

12. Chandler, David P. 1975. "An Anti-Vietnamese Rebellion in Early Nineteenth Century Cambodia: Pre-colonial Imperialism and a pre-nationalist Response". *Journal of Southeast Asian Studies*, 6(1), 16-24.

13. Châu Như Quỳnh. (23/8/2016). "Dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam gia tăng". *Dân trí online*. <https://dantri.com.vn/chinh-tri/dan-di-cu-tu-do-tu-campuchia-ve-viet-nam-gia-tang-20160823153245605.htm>

14. Chimni, Bupinder S. 2004. "From Resettlement to Involuntary Repatriation: Towards a Critical History of Durable Solutions to Refugee Problems". *Refugee Survey Quarterly*, 23(3), 55-73.

15. Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. "Luật số 07/1998/QH10 của Quốc hội: *Luật Quốc tịch Việt Nam*". http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=6&mode=detail&document_id=80038, truy cập ngày 20/1/2020.

16. De Bree, June, Davids, Tine, & De Haas, Hein. 2010. "Post-Return Experiences and Transnational Belonging of Return Migrants: A Dutch-Moroccan Case Study". *Global Networks*, 10(4), 489-509.

17. Derks, Annuska, & Sukhum, Han. 2009. *Diversity in Ethnicity: a Picture of the Vietnamese in Cambodia*. Phnom Penh: Center for Advanced Study, Interdisciplinary Research on Ethnic Groups in Cambodia.

18. Eastmond, Marita. 2006. "Transnational Returns and Reconstruction in Post-war Bosnia and Herzegovina". *International Migration*, 44(3), 141-166.

19. Ghanem, Tania. 2003. *When Forced Migrants Return "Home": The Psychosocial Difficulties Returnees Encounter in the Reintegration Process*. Oxford: Refugee Studies

Centre Oxford.

20. Goldring, Luin, Berinstein, Carolina, & Bernhard, Judith K. 2009. "Institutionalizing precarious migratory status in Canada". *Citizenship Studies*, 13(3), 239-265. doi:10.1080/13621020902850643.
21. Goshal, Baldas. 1993. "Minorities in Cambodia: The Vietnamese Community" in *Minorities in Cambodia*. Colombo: International Centre for Ethnic Studies.
22. Hammond, Laura. 1999. "Examining the Discourse of Repatriation: Towards a More Proactive Theory of Return Migration" in R. Black & K. Koser (Eds.), *The end of the refugee cycle* (pp. 227-244). New York & Oxford: Berghahn Books.
23. Kiernan, Ben. 2002. "Introduction: Conflict in Cambodia, 1945-2002". *Critical Asian Studies*, 34(4), 483-495.
24. Kiernan, Ben, & Hughes, C. 2009. "Conflict and Change in Cambodia". *International Journal of Asia Pacific Studies*, 5(1), 115-117.
25. Kirchner, Laura Marcia. 2015. "Living on the Margins: on the Status and Standing of Minorities and Indigenous Peoples in Cambodia". *Cambodia: Heinrich Boell Foundation*.
26. Nguyễn Cảnh Toàn. 2011. "Bước đầu nghiên cứu người Việt Nam ở nước ngoài". *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 59.
27. Nguyen, Nu Nguyet Anh. 2017. *Social Networks along the Migration Cycle between Vietnam and Korea: Opportunities or Obstacles for Temporary Labour Migrants?* (PhD). University of Sydney, Sydney.
28. Nguyễn Sỹ Tuấn. 2006. "Cộng đồng người Việt Ở Campuchia". *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 2, 44-51.
29. Nguyễn Sỹ Tuấn. 2012. *Một số vấn đề cơ bản của người Việt ở Campuchia hiện nay*. Bộ Khoa học và Công nghệ.
30. Owsley, Brian. 1995. "Ethnic Vietnamese in Cambodia: A Case Study of the Tension Between Foreign Policy and Human Rights". *Touro International Law Review*, 6, 377-416.
31. Phan Thị Hồng Xuân. 2018. *Vai trò và những đóng góp của cộng đồng người gốc Việt ở Campuchia, Lào, Thái Lan trong giai đoạn hiện nay*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
32. Tarr, Chou Meng. 1992. "The Vietnamese Minority in Cambodia". *Race & class*, 34(2), 33-47.
33. Trần Trọng Đăng Đàn. 1997. *Người Việt Nam ở nước ngoài*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
34. Trần Trọng Đăng Đàn. 2005. *Người Việt Nam ở nước ngoài không chỉ có "Việt kiều"*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
35. UN DESA. 2015. <https://www.un.org/en/development/desa/population/migration/data/estimates2/estimates15.asp>, truy cập ngày 9/3/2020.
36. UNHCR. 1954. *Convention related to Status of Stateless Persons*. Retrieved from https://www.unhcr.org/ibelong/wp-content/uploads/1954-Convention-relating-to-the-Status-of-Stateless-Persons_ENG.pdf, truy cập ngày 9/3/2020.